

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25-5-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị Hân với anh P

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Bà Phạm Thị Chung

- Thư ký phiên tòa:Bà Trần Thị Thu Trang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa:Bà Lê Kim Chăm – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 423/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/5/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị Thúy H, sinh năm 1981; Nơi cư trú: ấp TĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1983; Nơi cư trú: ấp TĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị Phùng Thị Thúy H có mặt, anh Nguyễn Minh P vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 12 năm 2017, bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phùng Thị Thúy H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh P tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận ngày 18/3/2005. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng thời gian. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Chị và anh P không sống chung với nhau đến nay khoảng

04 năm, không ai quan tâm gì đến nhau. Nhận thấy thời gian không sống chung với nhau đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị xin được ly hôn với anh P.

Trong thời gian chung sống, chị và anh P có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2005. Hiện tại, cháu T đang sống chung với chị, chị yêu tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Đối với vấn đề cấp dưỡng cho con, trước đây trong đơn khởi kiện và trong bản khai chị yêu cầu anh P cấp dưỡng cho cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi nhưng nay chị nhận thấy đủ khả năng nuôi cháu T nên chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con.

Chị và anh P không có tài sản chung, không có nợ chung.

Do bị đơn là anh Nguyễn Minh P vắng mặt tại phiên tòa nên không có trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị Thúy H đối với anh Nguyễn Minh P, cụ thể: Về hôn nhân chị H được ly hôn với anh P. Về con chung: Sau khi ly hôn chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không có. Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Căn cứ vào có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Phùng Thị Thúy H với anh Nguyễn Minh P thì vụ án có quan hệ tranh chấp về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M.

Anh Nguyễn Minh Ph có nơi cư trú tại xã Hương Mỹ, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện M thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải cho anh Nguyễn Minh Ph đến Tòa để tiến hành hòa giải nhưng anh P vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2,

nhưng anh P vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Phụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:Chị Phùng Thị Thúy H và anh Nguyễn Minh P tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của chị H và anh P được xem là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Anh chị có thời gian dài chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H trình bày thì nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn trầm trọng anh chị đã ly thân đến nay khoảng bốn năm, không quan tâm gì đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị xin ly hôn với anh P.

Sau khi Tòa thụ lý hồ sơ vụ án đã ra thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải giao cho anh P biết để anh đến Tòa án tham gia phiên hoà giải với chị H, nhằm tìm biện pháp tích cực để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, nhưng anh Phụng không đến, không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của chị H điều đó chứng tỏ anh P cũng không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ với chị H.

Xét thấy, mâu thuẫn của anh chị là có thật,đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân – Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh P là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh P có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 28/9/2005. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại cháu T đang sống với chị H và cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị H. Do đó, để đảm bảo tâm sinh lý của các cháu được phát triển ổn định nên cần giao cháu T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H trình bày chị và anh P không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

[5]Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị Thúy H, cụ thể tuyên:

1. *Về hôn nhân*: Chị Phùng Thị Thúy H được ly hôn với anh Nguyễn Minh P.

2. *Về con chung*: Chị Phùng Thị Thúy H được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 20/7/2006.

Ghi nhận chị Phùng Thị Thúy H không yêu cầu anh Nguyễn Minh P cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Minh P được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Phùng Thị Thúy H trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

4. *Về án phí*:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị Phùng Thị Thúy H có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013598 ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã HM;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Dân